**GIẢI THÍCH NỘI DUNG**

**VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU ĐIỀU TRA**

**PHIẾU SỐ 02/M-IO**

**Phiếu thu thập thông tin về chi phí hoạt động năm 2023**

**(Áp dụng cho doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm)**

**I. Mục đích**

- Thu thập thông tin về doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của của doanh nghiệp theo 181 nhóm ngành sản phẩm phục vụ cho việc lập bảng nguồn và sử dụng.

- Tính toán giá trị sản xuất, chi phí trung gian và giá trị tăng thêm của dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm để xây dựng hệ số chi phí trung gian và tiêu dùng cuối cùng của dịch vụ này.

**II. Phạm vi**

Áp dụng cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp tài chính khác.

Số liệu ghi trong phiếu là toàn bộ số tiền thực tế DN đã thu được và chi ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2023.

Lưu ý: Đối với doanh nghiệp có chi nhánh phụ thuộc thì trụ sở chính sẽ khai toàn bộ thông tin đã bao gồm các chi nhánh phụ thuộc.

**III. Phương pháp ghi phiếu**

Số liệu ghi vào phiếu điều tra này căn cứ vào:

- Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính; Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm ban hành theo Thông tư 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

- Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

- Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ đối với các doanh nghiệp; **Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC.**

**1. Thông tin định danh**

- Tên doanh nghiệp; địa chỉ; loại hình doanh nghiệp: tự động link từ kết quả điều tra doanh nghiệp 2023.

- Tên và mã sản phẩm IO: tự động link từ kết quả điều tra IO 2021 (*nếu có*).

**2. Mục B. Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh**

**Doanh nghiệp cung cấp một số thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 cụ thể theo từng loại doanh nghiệp (tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty khác).**

**3. Mục C1. Chi cho hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2023**

**Cột C “Tên chỉ tiêu/sản phẩm” và cột 2 “Giá trị năm 2023”**

Số liệu ghi vào cột này là tổng chi phí kinh doanh (bao gồm tất cả các chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí giá vốn bất động sản, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí về tài sản…) của DN trong năm 2023, **LOẠI TRỪ MỘT SỐ KHOẢN CHI PHÍ SAU:**

\* Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

***- Chi phí hoạt động tín dụng*** (không bao gồm chi phí khác hoạt động tín dụng): bao gồm các khoản sau:Trả lãi tiền gửi, Trả lãi tiền vay, Trả lãi phát hành giấy tờ có giá và Trả lãi tiền thuê tài chính. Riêng chi phí khác hoạt động tín dụng (tài khoản 809) vẫn được bóc tách chi tiết theo từng nội dung chi để ghi vào sản phẩm ở các câu hỏi phù hợp.

***- Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối*** (Tài khoản 82): bao gồm chi về kinh doanh ngoại tệ, chi về kinh doanh vàng và chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ.

***- Chi phí kinh doanh chứng khoán*** (Tài khoản 841): là số chênh lệch giữa giá bán thấp hơn giá mua chứng khoán, giấy tờ có giá.

***- Chi phí dự phòng*** (Tài khoản 882): bao gồm các khoản chi dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá vàng, dự phòng cho các dịch vụ thanh toán và dự phòng rủi ro khác theo quy định.

\* Đối với DN bảo hiểm:

***- Chi bồi thường/trả tiền bảo hiểm:***

+ Đối với DN bảo hiểm phi nhân thọ: là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng chi phí bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ sau khi trừ (-) các khoản thu giảm chi phí bồi thường bảo hiểm, thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm và sau khi điều chỉnh các khoản tăng giảm dự phòng bảo hiểm gốc và nhượng tái bảo hiểm, tăng giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong kỳ báo cáo.

+ Đối với DN bảo hiểm nhân thọ: là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng chi phí bồi thường và trả tiền bảo hiểm của DNBH nhân thọ sau khi trừ (-) các khoản thu giảm chi phí bồi thường và trả tiền bảo hiểm (như thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm) và sau khi điều chỉnh các khoản tăng giảm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm phát sinh trong kỳ báo cáo.

***- Tăng/giảm dự phòng dao động lớn:*** chỉ tiêu này phản ánh số tăng, giảm dự phòng dao động lớn, là chênh lệch giữa số dự phòng dao động lớn phải trích trong năm với số dự phòng dao động lớn đã sử dụng trong năm.

***- Giá vốn bất động sản đầu tư:*** chỉ tiêu này phản ánh giá vốn bất động sản đầu tư phát sinh trong năm 2023.

***- Chi phí hoạt động tài chính:*** chỉ tiêu này phản ánh chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm 2023 (không bao gồm chi trả lãi tiền vay).

\* Đối với DN chứng khoán:

***- Chi phí hoạt động tự doanh:*** là những chi phí liên quan đến hoạt động mà công ty chứng khoán mua, bán chứng khoán cho chính mình.

***- Chi phí dự phòng tài sản tài chính:*** phản ánh chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay.

***- Chi từ các tài sản tài chính phái sinh phòng rủi ro:*** phản ánh các khoản lỗ từ các các công cụ tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro bán ra trong kỳ của công ty chứng khoán.

Số liệu ghi vào cột C, cột 2 và cột 3 được bóc tách chi tiết từ các nội dung chi như: Chi phí hoạt động dịch vụ; Chi phí cho nhân viên; Chi phí cho hoạt động quản lý và công vụ; Chi về tài sản; Chi phí hoạt động kinh doanh; Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp... của doanh nghiệp trong năm 2023. Cụ thể theo các câu hỏi như sau:

***Câu 1: Chi cho người lao động:*** bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Tiền công, tiền lương: bao gồm các khoản chi tiền công, tiền lương cho người lao động của doanh nghiệp (DN).

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm con người, kinh phí công đoàn: Số liệu lấy từ các mục chi của doanh nghiệp tương ứng như “Bảo hiểm xã hội”, “Bảo hiểm y tế”....

- Chi khác cho người lao động nằm trong quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ: số liệu được lấy từ mục chi phụ cấp lương.

- Tiền lưu trú, phụ cấp đi đường: là phụ cấp lưu trú được bóc tách từ khoản chi “công tác phí”. Hoặc trường hợp doanh nghiệp khoán toàn bộ công tác phí cho người lao động, không chi tiết tiền tàu xe, tiền phòng nghỉ, tiền ăn… thì toàn bộ khoản khoán công tác phí đó cũng được ghi vào dòng này.

- Tiền bồi dưỡng báo cáo viên trong hội nghị, chi tiếp khách: là khoản DN chi cho các báo cáo viên, khách mời trong hội nghị, hội thảo.

- Tiền thưởng chưa nằm trong quỹ lương: là tiền thưởng thường xuyên hoặc đột xuất theo định mức chưa nằm trong quỹ lương.

- Chi ăn trưa, ăn ca: là khoản DN phát tiền ăn cho người lao động, mua suất ăn cho cán bộ nhân viên (CBNV) đều được ghi vào dòng này. Ngoài ra, nếu DN chi cho ăn uống tại nhà hàng, khách sạn nhân các dịp liên hoan, lễ kỷ niệm mang tính định kỳ, thường xuyên thì cũng được ghi vào đây.

- Chi trang phục cho nhân viên: là khoản chi của DN cho trang phục của nhân viên và trang phục đó có thể mặc cả ở nơi làm việc và nơi công cộng.

- Chi trả công lao động khác không nằm trong quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ: là các khoản chi khác cho người lao động không kể các khoản chi ở trên đã được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp như: DN bồi dưỡng cho CBNV tham gia biểu diễn văn nghệ, trợ cấp cho CBNV tham gia các khoá học nâng cao nghiệp vụ, DN chi trả tiền thuê nhà ở cho nhân viên...

*Chú ý:* Đối với chỉ tiêu chi phí tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm con người, kinh phí công đoàn và chi khác cho người lao động phải căn cứ vào số phát sinh trong năm đã được quyết toán.

***Câu 2: Chi về tiền điện, nước, xử lý nước thải, rác thải, ô nhiễm môi trường:*** bao gồm các khoản chi về tiền điện, tiền nước, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, dịch vụ vệ sinh môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường... phục vụ hoạt động của DN và được chi tiết theo các sản phẩm, dịch vụ tương ứng.

***Câu 3: Chi về dịch vụ vận tải, kho bãi:*** là số tiền DN chi về dịch vụ vận tải, kho bãi nhằm phục vụ hoạt động của DN và được chi tiết theo từng ngành đường: đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường không.

***Câu 4: Chi về dịch vụ thông tin, truyền thông và liên lạc:*** là số tiền DN chi về dịch vụ viễn thông, bưu chính, chuyển phát, xuất bản, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, lập trình máy tính và dịch vụ thông tin khác, được chi tiết như sau:

- Dịch vụ viễn thông: như dịch vụ điện thoại cố định, điện thoại di động; dịch vụ mạng chủ internet, truy cập internet; dịch vụ điện tín;

- Dịch vụ bưu chính và chuyển phát: như dịch vụ nhận, phân loại đóng gói báo chí, tạp chí xuất bản định kỳ, bưu phẩm, bưu kiện; dịch vụ chuyển và phân phối thư từ, bưu phẩm, bưu kiện…

- Dịch vụ xuất bản: như xuất bản các loại sách, báo, tạp chí, tờ rơi quảng cáo, lịch, tem thư; phần mềm trò chơi, phần mềm trực tuyến, phần mềm ứng dụng…

- Dịch vụ điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc: như dịch vụ biên tập chương trình truyền hình, dịch vụ thu âm, dịch vụ điện ảnh, kỹ sảo điện ảnh, phim video…

- Dịch vụ phát thanh, truyền hình: như dịch vụ truyền hình cab, K+…

- Dịch vụ lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính: như dịch vụ phát triển, thiết kế các phần mềm ứng dụng CNTT, hệ thống và mạng; dịch vụ quản lý mạng, dịch vụ quản lý hệ thống máy tính…

- Dịch vụ thông tin khác: như dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ cho thuê web, dịch vụ cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, dịch vụ điều hành website, dịch vụ thông tấn cho các phương tiện nghe nhìn…

***Câu 5: Chi về dịch vụ lưu trú và ăn uống***

- Dịch vụ lưu trú: là số tiền DN chi trả tiền thuê khách sạn, nhà nghỉ… khi cán bộ nhân viên đi công tác hoặc khách của DN sử dụng được hạch toán vào chi phí của DN.

- Dịch vụ ăn uống: là khoản DN chi ăn uống trong nhà hàng, quán ăn, khách sạn... hoặc DN thuê đơn vị nấu ăn theo hợp đồng khi tiếp khách, tổ chức các buổi liên hoan không mang tính định kỳ, thường xuyên.

Nếu mang tính định kỳ, thường xuyên thì được tính là thu nhập của người lao động và ghi vào Câu 1 - Chi cho người lao động (mã số 192 - Chi ăn trưa, ăn ca)

Trường hợp DN tiếp khách hoặc liên hoan nhưng cán bộ nhân viên của DN tự nấu ăn thì DN phải tách theo từng sản phẩm, ví dụ mua bao nhiêu tiền thịt, tiền rau, tôm, cá, thủy sản, hoa quả, đường, sữa, bia, rượu ... (câu 18)

***Câu 6: Chi về dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm***

- Dịch vụ tài chính: ghi số liệu về phí ngân hàng (phí trực tiếp) bao gồm các loại phí như: phí chuyển tiền, thanh toán tiền, mở tài khoản...

- Dịch vụ bảo hiểm: là khoản phí bảo hiểm DN mua của các công ty bảo hiểm (Ở đây ghi phí bảo hiểm thương mại) và cần tách riêng dịch vụ bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ.

+ Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm nhân thọ: như bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm trả tiền định kỳ, bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm hỗn hợp…

+ Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ: như bảo hiểm phương tiện, tài sản, hàng hóa, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm nông nghiệp, du lịch, tiền gửi tín dụng và bảo lãnh…

- Dịch vụ tài chính khác: là khoản DN chi cho dịch vụ môi giới, tư vấn chứng khoán, dịch vụ quản lý và ủy thác chứng khoán, dịch vụ môi giới hàng hóa, dịch vụ đại lý, môi giới bảo hiểm, dịch vụ đánh giá rủi ro và tổn thất, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư...

***Câu 7: Chi thuê văn phòng, hội trường, máy móc, thiết bị...:*** là số tiền DN chivề dịch vụ thuê văn phòng, hội trường, dịch vụ tư vấn, đấu giá bất động sản; thuê máy móc thiết bị…, được chi tiết như sau:

- Dịch vụ kinh doanh bất động sản: như cho thuê văn phòng, hội trường, nhà để ở; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ tư vấn, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất; dịch vụ mua, bán nhà, đất, quyền sử dụng đất trống để ở và không để ở…

- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính*.*

***Câu 8: Chi về dịch vụ giáo dục và đào tạo:*** là số tiền DN trả cho các đơn vị giáo dục để đào tạo tay nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.

***Câu 9: Chi về y tế:*** là số tiền DN chi ra để mua thuốc phát định kỳ cho CBNV hoặc DN chi tiền cho các cơ sở y tế để mua thuốc, thiết bị y tế, khám chữa bệnh, chăm sóc y tế CBNV và được tách chi tiết theo các sản phẩm tương ứng như sau:

- Dịch vụ y tế: như dịch vụ khám chữa bệnh, xét nghiệm, chuẩn đoán; dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ, phẫu thuật y tế; dịch vụ tư vấn y tế; dịch vụ cấp cứu, phục hồi chức năng…

- Thuốc các loại; Hóa dược và dược liệu: gồm các loại dược phẩm, dung dịch đạm huyết thanh, vắc xin cho người, vắc xin cho thú y, chất cản quang dùng trong chiếu chụp, vật tư y tế (bông, băng, gạc)....

- Thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng: như thiết bị, dụng cụ dùng trong nha khoa, thiết bị khử trùng trong y tế, phẫu thuật hoặc trong phòng thí nghiệm; thiết bị và dụng cụ trị liệu, máy thở…

- Dịch vụ chăm sóc, điều dưỡng tập trung: như dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng, dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần, dịch vụ cai nghiện, phục hồi nhân phẩm…

- Dịch vụ trợ giúp xã hội không tập trung: như dịch vụ thăm hỏi, giúp đỡ, dịch vụ chăm sóc…

***Câu 10: Chi về dịch vụ du lịch, nghệ thuật, thể thao, vui chơi, giải trí***

- Dịch vụ của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch: là số tiền DN chi trả cho các công ty du lịch, đại lý du lịch để tổ chức cho CBNV đi nghỉ dưỡng, nghỉ mát.

- Dịch vụ sáng tác, nghệ thuật và giải trí: là số tiền DN chi mua vé cho CBNV để xem xiếc, ca nhạc, opera, kịch… (các hoạt động mang tính nghệ thuật) hoặc DN chi tiền mời các đoàn nghệ thuật đến biểu diễn…

- Dịch vụ của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hoá khác: là số tiền DN chi mua vé cho CBNV để đi thăm bảo tàng, thư viện, vườn bách thú bách thảo, khu di tích lịch sử; bảo tồn thiên nhiên…

- Dịch vụ xổ số, cá cược và đánh bạc: là số tiền DN chi mua vé xổ số, vui chơi có thưởng... cho CBNV.

- Dịch vụ thể thao, vui chơi và giải trí: là số tiền DN thuê đơn vị bên ngoài tổ chức trọn gói các hoạt động thể thao cho DN; DN mua vé cho CBNV vui chơi trong các công viên vui chơi, khu vui chơi dã ngoại hoặc đi sàn nhảy, karaoke….

*Chú ý:* đối với mục này, nếu DN phát tiền cho CBNV để đi nghỉ mát, tự đi xem hoạt động nghệ thuật, vui chơi, giải trí thì không ghi vào đây mà sẽ được ghi vào mã 191 của câu 1.

***Câu 11: Chi về dịch vụ cải tạo, sửa chữa nhỏ thuê ngoài:*** là khoản tiền DN chi trả cho đơn vị thuê ngoài để cải tạo, sửa chữa nhỏ máy móc thiết bị, nhà cửa, sửa chữa ô tô, đồ điện tử... và được chi tiết như sau:

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị: như sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt điều hòa, máy vi tính và thiết bị văn phòng; bảo dưỡng động cơ, máy móc, thiết bị, thiết bị điện, quang học, phương tiện vận tải…

- Nhà để ở: sửa chữa nhỏ các loại nhà dùng cho mục đích để ở

- Nhà các loại còn lại và dịch vụ xây dựng nhà: sửa chữa nhỏ nhà làm việc, khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại…

- Dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

- Dịch vụ sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình: như dịch vụ sửa chữa các sản phẩm điện tử, điện máy, đồ dùng gia đình, đồ dùng cá nhân…

***Câu 12: Chi về dịch vụ tư vấn, hỗ trợ hoạt động kinh doanh:*** là khoản tiền DN chi trả về dịch vụ pháp luật, kiểm toán, kế toán, dịch vụ quảng cáo, nghiên cứu thị trường, dịch vụ hành chính, hỗ trợ văn phòng... và được chi tiết như sau:

- Dịch vụ pháp luật, kế toán và kiểm toán: như dịch vụ kế toán, kiểm toán, dịch vụ bảo hộ bản quyền, bằng sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ, dịch vụ của các văn phòng luật sư, văn phòng công chứng,..

- Dịch vụ in, sao chép bản ghi các loại: như dịch vụ in sách, báo, ấn phẩm… và các dịch vụ hỗ trợ như đóng sách, ấn phẩm, làm đĩa và tạo hình…

- Dịch vụ của trụ sở văn phòng, dịch vụ tư vấn quản lý: như dịch vụ quản lý của trụ sở văn phòng đối với các đơn vị khác trong cùng một doanh nghiệp hoặc nhà máy, dịch vụ tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ điều hành, dịch vụ tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ liên quan đến chính sách và chiến lược kinh doanh, kế hoạch, cấu trúc và việc vận hành một tổ chức…

- Dịch vụ kiến trúc, kiểm tra và phân tích kỹ thuật: như dịch vụ thiết kế vẽ kiến trúc xây dựng, kiến trúc cảnh quan, dịch vụ tư vấn kỹ thuật về các kiến trúc và công trình...

- Dịch vụ quảng cáo và nghiên cứu thị trường: như dịch vụ vẽ biển, tranh ảnh quảng cáo; dịch vụ phát tờ rơi quảng cáo, gọi điện, gửi email quảng cáo; dịch vụ thăm dò dư luận qua thư tín, email, web, phỏng vấn trực tiếp,….

- Dịch vụ chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: như dịch vụ thiết kế, trang trí nội thất; thiết kế sản phẩm công nghiệp, chụp ảnh, dịch thuật…

- Dịch vụ hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác: như dịch vụ công chứng, dịch thuật, dịch vụ lễ tân, thủ quỹ, nhân sự; dịch vụ photocopy…

- Dịch vụ của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng và bảo đảm xã hội bắt buộc: phí làm hộ chiếu, visa, chứng thực, dịch vụ cảnh sát; dịch vụ phòng cháy chữa cháy; dịch vụ của tòa án các cấp…

- Dịch vụ của các hiệp hội, tổ chức khác: như tiền nộp hội phí, niêm liễn khi DN tham gia vào các hiệp hội kinh doanh, hội nghề nghiệp…

***Câu 13: Chi về dịch vụ nghiên cứu khoa học và phát triển:*** là số tiền DN chi trả cho đơn vị thuê ngoài về dịch vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

***Câu 14: Chi về các dịch vụ khác ngoài các dịch vụ liệt kê ở trên:*** là số tiền DN chi trả về dịch vụ khác ngoài các dịch vụ đã liệt kê ở trên như: dịch vụ lao động và việc làm, dịch vụ điều tra bảo đảm an toàn, dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan…

***Câu 15: Chi mua nhiên liệu:*** là số tiền DN chi mua xăng, dầu, các nhiên liệu khác như khí đốt, than… phục vụ cho hoạt động kinh doanh và được chi tiết theo các sản phẩm tương ứng.

***Câu 16: Chi về*** ***vật liệu văn phòng, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị (mà không phải là TSCĐ)***: là số tiền DN chi mua vật liệu văn phòng, công cụ, dụng cụ và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh và được chi tiết theo các sản phẩm tương ứng như sau:

- Giấy và các sản phẩm từ giấy;

- Giường, tủ, bàn, ghế từ gỗ;

- Đồ điện dân dụng: như tủ lạnh, máy rửa bát, máy giặt, máy hút bụi…;

- Thiết bị điện khác: như chuông điện, chuông báo động, kim thử điện…;

- Máy thông dụng: như máy tính tiền, máy đếm tiền, máy photocopy, máy fax, máy in…;

- Máy chuyên dụng cho hoạt động đặc thù riêng của DN (nếu có);

- Nếu vật liệu văn phòng, công cụ, dụng cụ và trang thiết bị được làm từ gỗ, tre, nứa: ghi vào dòng “Sản phẩm chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (Trừ giường, tủ, bàn, ghế); từ rơm, rạ và vật liệu tết bện”.

Nếu vật liệu văn phòng, công cụ, dụng cụ và trang thiết bị được làm từ cao su, DN ghi vào dòng “Sản phẩm từ cao su”; làm từ plastic thì ghi vào dòng “Sản phẩm từ plastic”; làm từ gang, sắt, thép thì ghi vào dòng “Sản phẩm gang, sắt, thép”...

*Lưu ý:* các vật liệu văn phòng, công cụ, dụng cụ và trang thiết bị ghi vào mục này không phải là TSCĐ.

***Câu 17: Chi về*** ***trang phục, quần áo, giấy dép***: là số tiền DN chi trang phục cho người lao động trong trường hợp trang phục đó chỉ sử dụng ở nơi làm việc, không sử dụng được ở nơi công cộng (như những đồ bảo hộ lao động hoặc trang phục của bảo vệ…) và được chi tiết theo các sản phẩm tương ứng.

***Câu 18: Chi về lương thực, thực phẩm, đồ uống:*** là số tiền DN chi mua các loại lương thực, thực phẩm, đồ uống để tiếp khách hoặc DN tự tổ chức liên hoan, tự nấu ăn và được chi tiết theo các sản phẩm tương ứng như: các loại cây ăn quả, hoa, ngô, rau, đậu, hạt điều, cà phê, cá, tôm, chè, rượu, bia...

***Câu 19: Chi về các sản phẩm còn lại:*** là số tiền DN chi mua các sản phẩm còn lại chưa được liệt kê ở trên như: thuốc lá, hóa chất, phân bón... và được chi tiết theo các sản phẩm tương ứng.

***Câu 20: Chi phí khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp:*** là số tiền DN trích khấu hao TSCĐ trong năm 2023.

**Cột 3 “Tỷ lệ hàng hoá/dịch vụ có nguồn gốc nhập khẩu (%)”**: Ghi tỉ lệ giá trị hàng hoá/dịch vụ nhập khẩu trong năm đã được sử dụng cho hoạt động của DN. Những hàng hoá/dịch vụ này có thể được DN nhập trực tiếp hoặc gián tiếp từ nước ngoài (thông qua đơn vị khác).

Tỷ lệ này được tính bằng cách lấy giá trị hàng hóa/dịch vụ có nguồn gốc từ nhập khẩu chia cho tổng giá trị hàng hóa/dịch vụ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh sản phẩm chính trong năm 2023.

**4. Mục C2. Một số thông tin khác**

***Câu 21: Thuế sản xuất và các khoản lệ phí****:* ghi chi tiết các loại thuế và lệ phí phải nộp cho ngân sách nhà nước, không bao gồm các khoản phí, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.

Lệ phí và phí được phân biệt theo Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

+ Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.

+ Lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý Nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.

***Câu 22: Các khoản trợ cấp sản xuất***

Đối với những đơn vị thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu (đơn đặt hàng) của Nhà nước, được nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định, đề nghị tách riêng phần trợ cấp, trợ giá này trong doanh thu thuần (nếu có). Trợ cấp sản xuất bao gồm:

Trợ giá hàng hóa và dịch vụ

Trợ giá cước vận chuyển

Trợ cấp hàng hóa và dịch vụ xuất, nhập khẩu

Trợ cấp quỹ lương

Trợ cấp để giảm ô nhiễm

Các loại trợ cấp khác

***Câu 23: Trả lãi tiền vay (nếu có):*** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số tiền lãi phải trả do DN đi vay phát sinh trong kỳ báo cáo của DN.

Đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: không cần trả lời câu này.

***Câu 24: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:*** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thực hiện trong kỳ của DN trước khi trừ thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

**5. Một số vấn đề cần lưu ý**

- Chi công tác phí: DN cần tách riêng từng khoản chi như sau:

+ Chi tiền tàu xe, máy bay: được ghi vào các dòng tương ứng của Câu 3 - Dịch vụ vận tải (mã số 131, 13, 135 hoặc 137).

+ Tiền thuê khách sạn, nhà nghỉ: ghi vào Câu 5 - Dịch vụ lưu trú (mã số 141).

+ Tiền phụ cấp lưu trú: được ghi vào Câu 1-Chi cho người lao động (mã số 189).

- Chi hội nghị: DN cần tách riêng từng khoản chi như sau:

+ Chi in tài liệu: được ghi vào Câu 12 - Chi dịch vụ tư vấn, hỗ trợ hoạt động kinh doanh (mã số 66).

+ Tiền vé máy bay, tàu xe: được ghi vào các dòng tương ứng của Câu 3 - Dịch vụ vận tải (mã số 131, 13, 135 hoặc 137).

+ Tiền thuê phòng ngủ: được ghi vào Câu 5 - Dịch vụ lưu trú (mã số 141).

+ Tiền thuê hội trường, phương tiện vận tải được ghi ở Câu 7 - Chi thuê văn phòng, hội trường, máy móc, thiết bị (mã số 154 hoặc 162).

+ Tiền bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên: được ghi vào Câu 1-Chi cho người lao động (mã số 190).

- Chi dịch vụ của các hiệp hội, tổ chức khác (dòng mã số 178): ghi số tiền DN đã nộp các loại phí cho hội mà DN là hội viên như: Hiệp hội ngân hàng Việt Nam, hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, hiệp hội kinh doanh chứng khoán… Không ghi vào đây số tiền DN nộp cho hiệp hội mang tính chất chuyển nhượng.

- Chi quản lý nhà nước: Nếu DN cử người đi công tác nước ngoài phải chi một số khoản như chi dịch vụ làm hộ chiếu, phí visa .. thì ghi vào dòng mã số 168.

- Chi trả hoa hồng: nếu là chi trả cho cá nhân thì được coi như trả công lao động thuê ngoài, nếu trả cho một tổ chức được coi là chi phí trung gian và ghi vào dòng tương ứng với dịch vụ mà của tổ chức đó đã cung cấp.

- Các trường hợp DN khoán chi phí bằng tiền cho người lao động tự sử dụng như: tiền điện thoại, xăng xe, khách sạn, nhà trọ … quy ước ghi từng loại chi phí này vào các dòng sản phẩm tương ứng ở từng câu hỏi phù hợp nếu CBVN phải trả lại biên lai, hóa đơn cho DN. Trường hợp CBNV không phải trả lại biên lai, hóa đơn thì ghi vào Câu 1 -Chi cho người lao động (mã số 194).

- Phí cầu, đường: ghi vào Câu 3 - Dịch vụ kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (mã 139)

- Các khoản chi ủng hộ, từ thiện, tài trợ được hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp; Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế; Các khoản chi liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái: không ghi vào phiếu điều tra.

***\* Một số khoản chi đặc thù của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:*** cần bóc tách chi tiết từng nội dung chi để ghi vào dòng sản phẩm phù hợp, ví dụ:

- Chi vận chuyển, bốc xếp tiền:

+ Chi mua xăng dầu cho xe vận chuyển tiền: ghi vào Câu 15 - Nhiên liệu dầu và xăng; dầu mỡ bôi trơn (mã 68);

+ Bốc xếp tiền: trường hợp có bộ phận bốc xếp tiền chuyên trách và bồi dưỡng cho cán bộ: ghi vào Câu 1-Chi cho người lao động (mã số 190). Nếu thuê đơn vị bốc xếp bên ngoài thì ghi vào Câu 3 - Dịch vụ kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (mã 139);

+ Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô chuyên dùng: Ghi vào Câu 11 - Dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (mã 128);

+ Chi phí kiểm định, khám định kỳ xe ô tô chuyên dùng: Ghi vào Câu 12 - Dịch vụ quản lý nhà nước (mã 168).

- Chi về dịch vụ thanh toán

+ Trả phí cho các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cho ngân hàng như trả phí thanh toán cho NHNN, TCTD, tổ chức thanh toán trong và ngoài nước, phí chuyển tiền trong nước, quốc tế…: Ghi vào Câu 6 - Dịch vụ tài chính (mã 149);

+ Trả cước phí truyền tin phục vụ hoạt động thanh toán như: cước phí bưu điện về mạng viễn thông, điện báo, cước phí thuê kênh truyền tin, truyền dữ liệu trả cho bưu điện...: Ghi vào Câu 6 - Dịch vụ bưu chính và chuyển phát (mã 140).